

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2017/HSST

Ngày 29 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Biên

2. Bà Hoàng Thị Hồng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Cán bộ
Toà án nhân dân thành phố B

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Đoàn Thế Đức - Kiểm
sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ
thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 139/2017/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2017 đối với bị
cáo:

- Họ và tên: Phạm Thanh B, sinh năm: 1993.

- Tên gọi khác: Không.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn V, xã S, thành phố B, tỉnh
Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

- Nghề nghiệp: Không; Văn hoá: 9/12.

- Con ông: Phạm Văn T, sinh năm 1965.

- Con bà: Ong Thế H, sinh năm 1973 (đã chết).

- Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

- Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án: 02 tiền án:

+ Tại bản án số 131/2011/HSST ngày 30/6/2011, Tòa án nhân dân thành phố
B xử phạt 10 tháng tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”, ra trại ngày 22/12/2011.

+ Tại bản án số 123/2014/HSPT ngày 21/5/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, ra trại ngày 31/8/2016.

- Tiền sự: Không.

- Bị can đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2016 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

* **Bị hại:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Giang.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Khổng Đình C, sinh năm 1985 (Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: số A, đường L, phường T, thành phố B.

- Anh Phạm Thế H, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà Z, đường T, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN THẤY

Bị cáo Phạm Thanh B bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 04/6/2017, Phạm Thanh B sinh năm 1993 trú tại thôn V, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đi đến Nhà nghỉ H ở địa chỉ lô số S đường V, phường X, thành phố B thuê phòng số 301 để ở. Tại đây, B gặp anh Ngô Văn G sinh năm 1974 trú tại tổ dân phố M, phường T, thành phố B và chị Nguyễn Thị H sinh năm 1981 trú tại thôn H, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Giang là bạn bè quen biết nhau từ trước đang thuê phòng số 403. Đến tối ngày 04/6/2017, B lên phòng 403 chơi với chị H, anh G. Chị H nhờ B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode biển kiểm soát 98B2- 547.49 sơn màu xanh nâu của chị H đưa chị H đi tìm nơi cầm cố giấy đăng ký xe mô tô để lấy tiền chi tiêu nhưng không tìm được. Sau đó B đưa chị H về nhà nghỉ H để xe mô tô ở tầng 1 rồi cùng chị H lên phòng 403 chơi đến đêm thì B về phòng 301 ngủ. Đến khoảng 7 giờ ngày 05/6/2017, B lên phòng 403 gọi cửa, anh G ra mở cửa cho B vào chơi. B nói chuyện với anh G một lúc sau đó ngồi chơi điện tử bằng điện thoại di động. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, B phát hiện thấy anh G chị H đang ngủ ở trên giường nên B nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. B mở tủ đựng quần áo ở gần giường của chị H, anh B thì thấy có 01 túi xách màu đen, bên trong túi có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vertu vỏ màu đen (do Trung Quốc sản xuất); 01 chiếc chìa khóa xe máy; 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 giấy bảo hiểm xe mô tô biển kiểm soát 98B2-547.49 đều mang tên Nguyễn Thị H. B lấy chiếc điện thoại, giấy tờ và chìa khóa xe mô tô BKS 98B2- 547.49 đút vào túi

quần bên phải và vắt chiếc túi xách vào gầm giường. Sau đó, B đi xuống tầng 1 lấy chiếc xe mô tô BKS 98B2-547.49 và điều khiển xe đi lên thị trấn V, huyện G chơi. Quá trình đi chơi, B đánh rơi chiếc điện thoại Vertu (do Trung Quốc sản xuất) mà B đã trộm cắp được.

Khoảng 13 giờ ngày 05/6/2017, B đi chiếc xe mô tô BKS 98B2-547.49 đến cửa hàng cầm đồ 91 ở số C, đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Tại đây, B gặp anh Khổng Đình C sinh năm 1985 trú tại số nhà 48 đường L, phường T, thành phố B. B đặt vấn đề với anh C muốn bán chiếc xe mô tô BKS 98B2-547.49. Khi anh C hỏi nguồn gốc xe thì B trả lời xe của gia đình. Anh C kiểm tra giấy tờ, đồng ý mua xe với giá 30.000.000 đồng. Số tiền trên B khai đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 29/6/2017, chị Nguyễn Thị H có đơn trình báo đề nghị xử lý theo pháp luật. Ngày 30/6/2017, B đến Công an thành phố B đầu thú.

Cùng ngày 30/6/2017, Cơ quan điều tra tạm giữ của anh Khổng Đình C 01 giấy cam kết bán xe máy có ghi bên bán là Phạm Thanh B bán chiếc xe mô tô BKS 98B2- 547.49 cho anh C với giá 30.000.000 đồng (ký hiệu giám định A).

Tại Kết luận giám định số 1073/KL-PC54 ngày 13/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên Phạm Thanh B trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký mang tên Phạm Thanh B trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M6 do cùng một người viết, ký ra.

Ngày 05/7/2017, Cơ quan điều tra đã thực nghiệm điều tra vụ án. Kết quả B thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản như đã khai tại Cơ quan điều tra.

Tại kết luận định giá tài sản số 78/KL-HĐĐG ngày 01/7/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận:

- 01 Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, màu sơn xanh nâu, BKS 98B2- 547.49, số máy JF51E0308133, số khung RLHJF511XFY102116, xe đã qua sử dụng có giá trị là: 41.000.000 đồng.

- 01 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vertu màu đen do trung Quốc sản xuất, máy cũ đã qua sử dụng có giá trị là: 300.000 đồng.

(Tổng tài sản trộm cắp có giá trị là: 41.300.000 đồng).

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, màu sơn xanh nâu, BKS 98B2- 547.49, ngày 18/6/2017, anh Cường đã bán lại cho anh Phạm Thế H sinh năm 1974 trú tại số nhà Z, đường T, phường M, thành phố B với giá 30.000.000 đồng. Ngày 01/7/2017, anh H đã bán chiếc xe mô tô trên cho một người phụ nữ tự giới thiệu là Nguyễn Thị D sinh năm 1986 trú tại Khu tập thể Trường trung học kỹ

thuật phòng không không quân thuộc địa bàn xã U, huyện D, thành phố Hà Nội với giá 31.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã xác minh tại địa phương, kết quả không có ai tên là Nguyễn Thị D ở địa chỉ nêu trên. Cơ quan điều tra thông báo truy tìm vật chứng nhưng đến nay chưa thu hồi được.

Đến nay chị Nguyễn Thị H yêu cầu Phạm Thanh B bồi thường dân sự.

Đối với anh Không Đình C, Phạm Thế H là những người mua chiếc xe 98B2-547.49 nhưng không biết đó là tài sản do B phạm tội mà có nên anh C, anh H không vi phạm pháp luật.

Quá trình điều tra, Phạm Thanh B đã khai nhận hành vi phạm tội.

Từ những tình tiết nêu trên, bản Cáo trạng số 142/KSĐT ngày 11/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố Phạm Thanh B về tội **“Trộm cắp tài sản”** theo điểm c khoản 2 Điều 138 - Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Phạm Thanh B đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu và trình bày: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đồng ý bồi thường cho chị H giá trị các tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt với tổng số tiền là 41.300.000 đồng.

Bị hại là chị Nguyễn Thị H trình bày: Buổi sáng ngày 04/6/2017, chị có thuê phòng 403 tại nhà nghỉ H ở địa chỉ: lô Z, đường V, phường X, thành phố B để ở. Trước khi lên phòng, chị có gửi 01 xe mô tô nhãn hiệu SH mode màu xanh tím, BKS 98B2-547.49 tại nhà xe của nhà nghỉ ở tầng 1, gần quây lễ tân. Ở cùng phòng với chị còn có anh G nhà ở tổ dân phố M, phường T, thành phố B. Buổi trưa cùng ngày, có B là người quen của anh G cũng đang thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ H sang chơi và cả ba ngồi nói chuyện. Buổi tối cùng ngày, chị có nhờ B tìm chỗ và đưa chị đi cầm cố giấy tờ xe của chị để lấy tiền chi tiêu cá nhân. B đồng ý. Chị cầm theo giấy tờ xe rồi cùng B đi xe máy của chị đến một hàng cầm đồ thuộc phường Q để cầm cố nhưng không được. Chị và B quay về nhà nghỉ H. Khoảng 07 giờ ngày 05/6/2017, B lên phòng chị và gõ cửa. Anh Giang ra mở cửa cho B vào phòng. B ngồi ở đầu giường phòng chị chơi điện tử trên điện thoại còn chị và G vẫn nằm ngủ trên giường. Khoảng 09 giờ cùng ngày, chị tỉnh dậy và không thấy B trong phòng chị. Chị kiểm tra túi xách của mình để ở trong tủ đựng quần áo thì không thấy. Chị chạy xuống tầng 01 nơi chị để xe máy thì không thấy chiếc xe đâu. Chị được lễ tân của nhà nghỉ cho biết trước đó B đã điều khiển xe máy của chị đi ra ngoài. Chị quay lên phòng nghỉ của mình kiểm tra lại và xác định việc B đã lấy xe máy của chị. Chị và anh G gọi điện thoại cho B nhưng B không nghe máy mà chỉ nhắn tin lại là đã

lấy xe máy của chị và hẹn sẽ mang về trả chị sau. Chị chờ đến khoảng 13 giờ cùng ngày vẫn không thấy B quay lại trả xe nên chị đã đến Công an trình báo sự việc. Sau khi quay về nhà nghỉ, chị tìm thấy dưới gầm giường trong phòng 403 chiếc túi xách màu đen. Tại thời điểm buổi sáng ngày 05/6/2017 khi B vào phòng chị chơi, chị có để trong túi xách này 01 chùm chìa khoá của chiếc xe máy Honda SH mode BKS 98B2-547.49, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu màu đen do Trung Quốc sản xuất, 01 ví da cầm tay bên trong có 01 giấy đăng ký và 01 giấy bảo hiểm của chiếc xe nói trên. Khi chị tìm thấy chiếc túi trên thì phát hiện đã bị mất chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vertu màu đen, chùm chìa khoá xe, 01 đăng ký xe và 01 bảo hiểm xe mang tên chị. Do hiện nay cơ quan điều tra chưa thu hồi được chiếc xe máy cũng như điện thoại và các tài sản khác mà B đã lấy của chị nên chị yêu cầu B phải bồi thường giá trị chiếc xe máy và chiếc điện thoại đã chiếm đoạt theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B là 41.300.000 đồng. Các tài sản khác do có giá trị gắn với chiếc xe máy nên chị không yêu cầu. Chị đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho B để B sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Khổng Đình C vắng mặt tại phiên toà nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra như sau: Khoảng 13 giờ ngày 05/6/2017, khi anh đang ở nhà tại số A, đường L, phường T, thành phố B thì thấy B đi chiếc xe máy BKS 98B2 – 547.49 đến cửa hàng cầm đồ của anh Huy thuê tại tầng 01 nH đặt vấn đề cầm cố. Do anh Huy không có nhà nên anh đã đặt vấn đề mua chiếc xe máy mà B đi đến để làm phương tiện đi lại. B đồng ý. Anh có hỏi về nguồn gốc chiếc xe thì được B cho biết đó là xe của gia đình B, không có nhu cầu sử dụng nên bán. Anh và B thoả thuận giá bán xe là 30.000.000 đồng. Anh thanh toán tiền mua xe cho B làm 03 lần: lần đầu anh đưa cho B 20.000.000 đồng, B giao xe cho anh và các giấy tờ liên quan gồm 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Phạm Thanh B, 01 giấy đăng ký xe và 01 bảo hiểm dân sự của chiếc xe mang tên Nguyễn Thị H. Khoảng 18 giờ cùng ngày anh giao cho B số tiền 6.000.000 đồng. Ngày 06/6/2017, anh giao tiếp cho B số tiền còn lại 4.000.000 đồng tại nH và yêu cầu B viết giấy bán xe cho anh và hẹn 10 ngày sau nếu B không quay lại gặp anh để mua lại thì anh sẽ bán chiếc xe trên. Ngày 18/6/2017, do không thấy B quay lại và cần tiền chi tiêu cá nhân nên anh đã bán chiếc xe máy đã mua của B cho anh Hiệp

nhà ở tổ 3, phường Mỹ Độ, thành phố B với giá 30.000.000 đồng. Do anh không bị thiệt hại gì nên anh không yêu cầu B phải bồi thường dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Thế H vắng mặt tại phiên toà nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra như sau: Anh mở cửa hàng mua bán xe máy cũ tại nhà ở địa chỉ: số S, đường T, phường M, thành phố B. Ngày 18/6/2017, anh đang ở cửa hàng thì có anh C nhà ở phường M, thành phố B đi chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH mode đã qua sử dụng, màu xanh nâu, BKS 98B2 - 547.49 đến đặt vấn đề bán cho anh. Sau khi kiểm tra, anh đồng ý mua chiếc xe máy trên của anh C với giá 30.000.000 đồng. Anh giao tiền cho anh C, anh C giao xe máy cho anh kèm theo chìa khoá xe, bộ giấy tờ xe gồm 01 đăng ký và 01 bảo hiểm dân sự của xe mang tên Nguyễn Thị H. Anh C có viết cho anh một giấy cam kết bán xe có chữ ký của anh C. Trước khi đồng ý mua xe, anh có hỏi và được anh C cho biết chiếc xe máy này anh C mua lại của em trai chủ xe, do gia đình chủ xe không có nhu cầu sử dụng nên đã bán. Ngày 01/7/2017, do có người hỏi mua nên anh đã bán chiếc xe nói trên cho một người phụ nữ tự giới thiệu tên là Nguyễn Thị D, sinh năm 1986 ở địa chỉ: tập thể Trường Trung học kỹ thuật phòng không không quân, xã U, huyện D, thành phố Hà Nội với giá 31.000.000 đồng. Do anh không bị thiệt hại gì nên anh không yêu cầu B phải bồi thường dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1, Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh B phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**

2, Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 - Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thanh B từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/6/2017.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 – Bộ luật hình sự; Điều 589 – Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Thanh B phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 41.300.000 đồng.

4. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo 01 chứng minh thư nhân dân số 122200041 mang tên Phạm Thanh B nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng; biên bản thực nghiệm điều tra; biên bản về việc người phạm tội ra đầu thú; kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang; kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 05/6/2017, tại Nhà nghỉ H ở Lô số 05, ngõ 7, đường Vi Đức Lục, phường Xương Giang, thành phố B, Phạm Thanh B có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, màu sơn xanh nâu, biển kiểm soát 98B2- 547.49 có giá trị 41.000.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vertu màu đen do trung Quốc sản xuất có giá trị 300.000 đồng của chị Nguyễn Thị H. Tổng tài sản trộm cắp có giá trị 41.300.000 đồng.

Bị cáo Phạm Thanh B đã 02 lần bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản đều chưa được xóa án tích nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo B đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết định khung tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 - Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo điểm, khoản, điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương và gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu:

+ Ngày 30/6/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 10 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, ra trại ngày 22/12/2011.

+ Ngày 21/5/2014, bị cáo Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, ra trại ngày 31/8/2016.

Bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội. Xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo giáo dục bị cáo thành người biết tuân thủ pháp luật.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã ra cơ quan công an để đầu thú; tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 - Bộ luật hình sự, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 48 - Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 - Bộ luật hình sự, việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là cần thiết để tăng tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên cần miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền để bị cáo yên tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản bị cáo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H không thu hồi được. Bị hại là chị Nguyễn Thị H có yêu cầu bồi thường nên cần buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 41.300.000 đồng theo yêu cầu của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 42 – Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 – Bộ luật dân sự.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 chứng minh thư nhân dân số 122200041 mang tên Phạm Thanh B là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án là phù hợp với quy định tại Điều 41 – Bộ luật hình sự và Điều 76 – Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với anh Không Đình C, Phạm Thế H là những người mua chiếc xe mô tô BKS 98B2- 547.49 nhưng không biết đó là tài sản do B phạm tội mà có nên anh Cường, anh Hiệp không vi phạm pháp luật.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1, Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2, Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 - Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thanh B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/6/2017.

3, Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 - Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589 - Bộ luật dân sự buộc bị cáo Phạm Thanh B phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 41.300.000 đồng (*bằng chữ: Bốn mươi một triệu ba trăm nghìn đồng*).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

4, Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 - Bộ luật hình sự; Điều 76 - Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo 01 chứng minh thư nhân dân số 122200041 mang tên Phạm Thanh B nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng theo Lệnh xuất kho vật chứng số 118/KSĐT ngày 11/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và Biên bản giao nhận tài sản tạm giữ ngày 20/9/2017).

5, Về án phí, quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 99, Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Thanh B phải chịu 200.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.065.000 đồng (*bằng chữ: Hai triệu không trăm sáu mươi năm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP B;
- Công an TP B;
- Chi cục THADS TP B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T/M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đinh Thị Vân Anh